



QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quy trình để quản lý vận hành và bảo trì công trình đối với dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp

từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông báo số 286/TB-UBND ngày 25/6/2024 của UBND tỉnh về việc thông qua một số nội dung trình HĐND tỉnh tại Kỳ họp thứ 14 và một số văn bản thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 97/BC-STP ngày 24/5/2024 và đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2072/TTr-SXD ngày 14 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quy trình để quản lý vận hành và bảo trì công trình đối với dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Vụ Pháp chế - Ủy ban Dân tộc;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh; các Ban HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Đài PT-TH Khánh Hòa;
- Báo Khánh Hòa;
- Lưu: VT, TLe, LV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tấn Tuấn

QUY ĐỊNH

Về quy trình để quản lý vận hành và bảo trì công trình
đối với dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia
trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1234/2024/QĐ-UBND ngày 08/7/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc quản lý vận hành và bảo trì công trình đối với dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, đối với những công trình phục vụ lợi ích chung trong phạm vi xã, thôn (bao gồm cả các công trình không được đầu tư bằng nguồn vốn của Tiểu dự án) do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý được sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo trì của Tiểu dự án để thực hiện; không sử dụng kinh phí của Tiểu dự án để bảo trì công trình đã bàn giao cho hộ, nhóm hộ quản lý sử dụng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các xã khu vực III và các thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

2. Các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (đối với nội dung đầu tư xây dựng đường giao thông đến trung tâm xã, đường liên xã).

3. Các thôn đặc biệt khó khăn đã đầu tư từ giai đoạn trước, gồm: Thôn Suối Lau 1, thôn Suối Lau 2 thuộc xã Suối Cát, huyện Cam Lâm; Thôn Suối Sâu thuộc xã Ninh Tân, thị xã Ninh Hòa; Thôn Giải Phóng thuộc xã Cam Phước Đông và thôn Sông Cạn Trung thuộc xã Cam Thịnh Tây, thành phố Cam Ranh.

4. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quy định quản lý, vận hành và bảo trì công trình đối với dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nguyên tắc quản lý vận hành và bảo trì công trình xây dựng

1. Công tác quản lý, vận hành công trình sau đầu tư là công việc phải được tiến hành thường xuyên, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng, tăng tuổi thọ và độ bền công trình. Quản lý vận hành công trình xây dựng phải theo đúng công năng thiết kế được duyệt; không thay đổi công năng công trình khi chưa có ý kiến của cấp có thẩm quyền.

2. Thường xuyên theo dõi tình trạng của công trình để kịp thời phát hiện những hư hỏng để có phương án sửa chữa khắc phục. Việc quản lý vận hành và bảo trì công trình xây dựng sau đầu tư phải đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch và tuân theo Quy chế quản lý, vận hành và bảo trì công trình đã được phê duyệt.

Điều 4. Quy trình bảo trì công trình xây dựng

Quy trình bảo trì là căn cứ thực hiện các bước từ việc kiểm tra, lập kế hoạch bảo trì và thực hiện sửa chữa bảo dưỡng, thay thế thiết bị hoặc xử lý công trình xuống cấp hàng năm cho đến hết tuổi thọ của công trình; Nội dung quy trình này được thay đổi, khi có sự thay đổi về quy định có liên quan đến công tác bảo trì được ban hành bởi cấp có thẩm quyền cao hơn.

1. Phương pháp, tần suất kiểm tra:

a) Phương pháp kiểm tra: Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm tổ chức kiểm tra công trình thường xuyên, định kỳ và đột xuất nhằm phát hiện kịp thời các dấu hiệu xuống cấp, những hư hỏng của công trình, bộ phận công trình và thiết bị lắp đặt vào công trình làm cơ sở cho việc bảo dưỡng công trình. Việc kiểm tra công trình thường xuyên, định kỳ và đột xuất được chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình thực hiện bằng trực quan, bằng các số liệu quan trắc thường xuyên (nếu có) hoặc bằng các thiết bị kiểm tra chuyên dụng khi cần thiết;

b) Tần suất kiểm tra: Kiểm tra thường xuyên với tần suất 1 tháng 1 lần; kiểm tra định kỳ với tần suất mỗi quý 01 lần hoặc 6 tháng 01 lần; kiểm tra đột xuất công trình được thực hiện khi bộ phận công trình, công trình bị hư hỏng do ảnh hưởng các yếu tố đột xuất như gió, giông lốc, lũ lụt, động đất, va chạm, cháy và những yếu tố tác động khác hoặc khi bộ phận công trình, công trình có biểu hiện xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, vận hành, khai thác công trình.

2. Chỉ dẫn thực hiện bảo dưỡng, bảo trì công trình:

a) Thực hiện theo chỉ dẫn trong hồ sơ thiết kế được phê duyệt và theo chỉ dẫn của nhà sản xuất đối với các thiết bị, cấu kiện được lắp đặt vào công trình;

b) Trường hợp không có chỉ dẫn trong hồ sơ thiết kế được phê duyệt thì qua kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất để xác định mức độ hư hỏng của bộ phận công trình, công trình và thiết bị lắp đặt vào công trình làm cơ sở lập kế hoạch bảo trì công trình;

c) Bảo dưỡng công trình, công trình được thực hiện theo kế hoạch bảo trì hàng năm.

3. Thời điểm và chỉ dẫn thay thế định kỳ các thiết bị lắp đặt vào công trình:

Thiết bị lắp đặt vào công trình được thay thế theo hướng dẫn hạng sử dụng của thiết bị do nhà sản xuất đặt ra hoặc sau khi kiểm tra, đánh giá không còn khả năng sử dụng; tiếp tục sử dụng gây mất an toàn cho người và công trình;

4. Sửa chữa các hư hỏng của công trình, xử lý các trường hợp công trình xuống cấp:

a) Qua phương pháp, tần suất kiểm tra đánh giá nguyên nhân, mức độ hư hỏng của công trình, bộ phận công trình và thiết bị lắp đặt vào công trình để đưa ra phương pháp sửa chữa, khắc phục phù hợp làm cơ sở cho việc lập kế hoạch bảo trì công trình;

b) Hàng năm, phải tổ chức lập kế hoạch bảo trì theo quy định trên cơ sở kiểm tra hiện trạng công trình và thực hiện bảo trì công trình. Trường hợp sửa chữa đột xuất khi phát hiện công trình, bộ phận công trình hư hỏng ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, vận hành, khai thác công trình;

c) Khi phát hiện thấy công trình, bộ phận công trình xuống cấp gây nguy hiểm, không đảm bảo an toàn sử dụng, vận hành, khai thác thì chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình kịp thời thực hiện kiểm tra đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình và lập kế hoạch bảo trì công trình.

5. Thời gian sử dụng công trình, các bộ phận, hạng mục công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình:

a) Thời gian sử dụng của công trình, các bộ phận, hạng mục công trình: Người quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư xác định thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình;

b) Thời gian sử dụng thiết bị lắp đặt vào công trình: Theo hướng dẫn, hạn sử dụng của thiết bị do nhà sản xuất đặt ra.

6. Trong quá trình bảo trì công trình phải thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường theo quy định.

Điều 5. Kế hoạch bảo trì công trình xây dựng

1. Ủy ban nhân dân cấp xã giao chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình xây dựng kế hoạch bảo trì công trình xây dựng hàng năm trên cơ sở hiện trạng công trình, trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt để làm cơ sở thực hiện.

2. Nội dung chính của kế hoạch bảo trì công trình xây dựng bao gồm:

a) Tên công việc thực hiện;

b) Thời gian thực hiện;

c) Phương thức thực hiện;

d) Chi phí thực hiện.

3. Kế hoạch bảo trì có thể được sửa đổi, bổ sung trong quá trình thực hiện. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch bảo trì công trình xây dựng.

4. Thực hiện bảo trì công trình xây dựng, Quản lý chất lượng công việc bảo trì công trình xây dựng, Chi phí bảo trì công trình xây dựng: Thực hiện theo quy định tại Điều 33, Điều 34, Điều 35 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

5. Dự toán bảo trì công trình được áp dụng theo Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng và Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát công tác lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch và sử dụng nguồn vốn được giao quản lý vận hành và bảo trì công trình theo quy định;

b) Phối hợp với các Sở, ban, ngành tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan trung ương kết quả thực hiện công tác quản lý vận hành và bảo trì công trình sử dụng nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan, trình Hội đồng nhân dân tỉnh cân đối tổng mức vốn sự nghiệp, vốn ngân sách tỉnh, thẩm định phân bổ kinh phí sự nghiệp nguồn vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện quản lý vận hành và bảo trì công trình;

b) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng nguồn kinh phí quản lý vận hành và bảo trì công trình trên địa bàn;

c) Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện thanh toán, quyết toán vốn quản lý vận hành và bảo trì công trình, sử dụng nguồn vốn chương trình theo quy định;

d) Phối hợp với các Sở, ban, ngành tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả sử dụng nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh để thực hiện công tác quản lý vận hành và bảo trì công trình.

3. Các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương (cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh) theo lĩnh vực, chuyên ngành quản lý:

a) Phối hợp thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định về công tác quản lý vận hành và bảo trì công trình theo quy định;

b) Hướng dẫn thực hiện quy trình bảo trì công trình đối với công trình xây dựng thuộc chuyên ngành quản lý.

4. Ban Dân tộc theo dõi, tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện công tác bảo trì công trình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh;

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Giao các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện trực tiếp kiểm tra, tổng hợp danh mục công trình xây dựng, hạng mục công trình xây dựng cần bảo trì và khả năng cân đối nguồn vốn thực hiện bảo trì, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt danh mục và giao kế hoạch bảo trì; tổ chức thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn quản lý vận hành và bảo trì công trình xây dựng;

b) Bố trí và giao vốn cho Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện công tác bảo trì theo kế hoạch được phê duyệt;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc quản lý vận hành và bảo trì công trình xây dựng đúng quy định;

d) Thực hiện việc kiểm tra, thanh tra, hướng dẫn xử lý vi phạm việc tuân thủ các quy định của pháp luật về công tác quản lý vận hành và bảo trì công trình;

đ) Định kỳ 06 tháng và hàng năm (hoặc đột xuất) tổng hợp báo cáo kết quả tình hình thực hiện công tác quản lý vận hành và bảo trì công trình gửi về Ban Dân tộc để theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình xây dựng, xác định mức độ hư hỏng và biện pháp khắc phục; lập danh mục công trình, hạng mục công trình xây dựng cần bảo trì trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt; thông báo, đồng thời tổ chức thảo luận công khai kế hoạch bảo trì đến người dân và cộng đồng; tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt kinh phí bảo trì từng công trình xây dựng và hoàn thiện kế hoạch bảo trì trên địa bàn xã, trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua, đồng thời gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp; ưu tiên bảo trì đối với những công trình cấp thiết trên địa bàn xã, thôn bản đặc biệt khó khăn;

b) Căn cứ quyết định giao kế hoạch vốn bảo trì công trình xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao cho tổ chức cộng đồng, tổ, nhóm thợ trên địa bàn xã nhận thầu thực hiện hoặc giao cho trưởng thôn tổ chức các hộ gia đình trong thôn thực hiện bảo trì đối với công trình xây dựng do thôn quản lý; trường hợp tổ chức cộng đồng, tổ, nhóm thợ, các hộ gia đình trong thôn không đủ điều kiện và khả năng thực hiện, Ủy ban nhân dân cấp xã ký hợp đồng thuê tổ chức, cá nhân đủ năng lực thực hiện;

c) Chịu trách nhiệm thực hiện quản lý vận hành và bảo trì công trình xây dựng theo quy định; huy động nhân dân đóng góp tự nguyện về kinh phí, ngay công, vật liệu để thực hiện công tác bảo trì và quản lý, vận hành công trình xây dựng.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời đến Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo cấp thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

